

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dục.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Huyền;

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thu Lam - Thư ký viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà:**

Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi cũ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Trần Minh K, sinh ngày 23/11/2013

2. Cháu Trần Minh Bảo A, sinh ngày 28/5/2016

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Anh Q, chị H – Bố, mẹ đẻ của các cháu

Cùng trú tại: M, N, H

Chị H, anh Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Chị H, anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/2/2013 tại UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên (Nay là Nguyễn Trãi, Hưng Yên). Sau khi kết hôn, chị có về chung sống với gia đình anh Q làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu chị H, anh Q chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2018 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về quan niệm sống, kinh tế, nuôi dạy con cái. Chị H, anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh chị chính thức ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Q, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Trần Minh Bảo A, sinh ngày 28/5/2016. Nếu ly hôn, chị đề nghị nuôi cháu K, còn nếu anh Q đề nghị được nuôi cháu A chị cũng đồng ý. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Q trình bày như sau: Anh và chị H đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên ngày 15/2/2013 trên tinh thần tự nguyện. Nhưng thời gian chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình trạng hôn nhân không đạt được như mong muốn ban đầu. Anh và chị H đã sống ly thân một thời gian dài. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị H. Hiện nay anh đang đi làm ăn xa, giáp biên giới Trung Quốc, công việc lái xe vận chuyển nên không thể sắp xếp thời gian tới Tòa án để làm việc theo quy định. Anh đề nghị được xin vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Trần Minh Bảo A, sinh ngày 28/5/2016. Hiện các cháu đang ở với chị H, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Bảo A, còn chị H nuôi cháu K. Hai anh chị có nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Cháu Trần Minh K trình bày: Cháu K là con trai lớn của chị H, anh Q, hiện nay cháu đang ở cùng chị H, cháu thấy từ lâu chị H, anh Q hay mâu thuẫn và không ở cùng nhau. Nay chị H, anh Q ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với chị H.

Cháu Trần Minh Bảo A trình bày: Cháu A là con trai của chị H, anh Q, cháu thấy từ lâu chị H, anh Q không ở cùng nhau. Nay chị H, anh Q ly hôn, cháu có nguyện vọng với anh Q và bà nội của cháu, còn ở với chị H cũng được.

Bà Nguyễn Thị Bạc (Mẹ đẻ của anh Q) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Q còn H là con dâu bà. Chị H và anh Q tự do tìm hiểu và có về nói chuyện với hai gia đình, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới cho anh chị, hai anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là Nguyễn Trãi, Hưng Yên) vào năm 2013. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi thì chị H có về chung sống cùng gia đình bà làm ăn, sinh sống. Bà đồng ý với quan điểm của chị H về quá trình chung sống và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình vợ chồng hai cháu chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bà thấy chị H có đi làm ăn xa, hai anh chị không sống cùng nhau. Đến tháng 3/2025 hai anh chị sống ly thân cho đến nay, bà và chị H không có mâu thuẫn gì. Khi biết chị H xin ly hôn anh Q, bà có động viên khuyên nhủ anh chị đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nhưng hai anh chị vẫn kiên quyết, bà thấy quyết định như thế nào thì phụ thuộc anh chị. Anh Q đi làm ăn xa, bà không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu và anh Q có gửi ý kiến về bảo không còn tình cảm với chị H, đồng ý ly hôn. Do anh Q đi làm ăn xa nên bà đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng của Tòa cho anh Q cho bà nhận, bà cam đoan sẽ gửi, thông báo lại ngay cho anh Q nắm được; Về con **chung**: Hai anh chị có 02 con chung là cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Trần Minh Bảo An, sinh ngày 28/5/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị H, cũng thường xuyên qua lại nhà bà chơi. Theo ý kiến của anh Q là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo An và nếu anh chị ly hôn bà sẽ tiếp tục giúp anh Q chăm sóc cháu Bảo An khi anh Q đi làm. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Chị H, anh Q không có tài sản chung, công sức, công nợ gì và cũng không có nợ hay tài sản chung liên quan đến bà.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Nguyễn Trãi: Vợ chồng anh Q, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên (Nay là Nguyễn Trãi, Hưng Yên) ngày 15/02/2013. Quá trình chung sống anh Q, chị H có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Anh Q, chị H có 02 con chung là cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Trần Minh Bảo An, sinh ngày 28/5/2016, các cháu đang ở cùng chị H. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa do các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đảm bảo đúng thành phần theo các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 21; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; Nghị quyết số 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí, đề nghị xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q.

- Về con chung: Chị H và anh Q có 02 các con chung là các cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 23/11/2013; cháu Trần Minh Bảo An, sinh ngày 28/5/2016. Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Minh Khang cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi; Giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Minh Bảo An cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Chị H, anh Q không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở. *Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.*

- Về tài sản chung; công sức, ruộng cấy, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trần Văn Q đều có địa chỉ tại Mễ Xá, Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên (Nay là Mễ Xá, Nguyễn Trãi, Hưng Yên). Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, nay là Tòa án nhân dân **khv vực 1 – Hưng Yên** theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Bạc là mẹ đẻ của anh Q để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Q, anh Q có xin vắng mặt và gửi bản tự khai về Tòa án. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, chị H, anh Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên (Nay là Nguyễn Trãi, Hưng Yên) ngày 15/02/2013. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Q là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Chị H xác định cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn, chị có về chung sống với gia đình anh Q làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2018 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về quan niệm sống, kinh tế và nuôi dạy con cái. Chị , anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vì vậy anh chị chính thức ly thân từ tháng 03/2025 cho đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Q, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị xin ly hôn với anh Q. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ chị H, anh Q đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Q đi làm xa nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh Q có gửi văn bản trình bày cũng đồng ý ly hôn với chị H và xin vắng mặt. Thấy rằng, hôn nhân của chị H, anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị H là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H, anh Q.

[3] Về con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Trần Minh Bảo A, sinh ngày 28/5/2016. Hiện cháu K, cháu A đang ở với chị H. Quá trình giải Q vụ án, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Khang, còn nếu anh Q đề nghị được nuôi cháu An chị cũng đồng ý. Theo bản tự khai, anh Q trình bày đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu K, đề nghị được nuôi dưỡng cháu A. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K, cháu A. Về cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q không có đề nghị gì về cấp dưỡng. Vì vậy, xét theo sự thống nhất của chị H, anh Q và nguyện vọng của các con chung, giao cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, giao cháu A cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành

niên. Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Đôi bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 23/11/2013 cho chị H tiếp tục, trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, giao cháu Trần Minh Bảo A, sinh ngày 28/5/2016 cho anh Q trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001524 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hưng Yên). Hoàn trả chị H 150.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Chị H, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Huyền

Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Đồng Dục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Huyền

Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Đồng Dục

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục